



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Bà Cecilia T. Cruzabra	Thành viên
Bà Marsha Emelinda Q. Santos	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Oanh	Thành viên
Ông Lawrence G. Velasco	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Alvin S.Evangelista	Giám đốc Kiểm soát tài chính

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 8 năm 2021, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.415.708.599	138.091.842.691
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.303.401.737	1.826.577.838
1. Tiền	111		1.303.401.737	1.826.577.838
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.605.034.671	110.643.015.481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.650.671.319	7.517.444.339
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55.263.120	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3.a	85.610.025.093	76.596.727.985
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.a	924.150.000	49.100.868.757
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(23.667.387.532)	(23.604.338.271)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.032.312.671	1.032.312.671
III. Hàng tồn kho	140	V.6	5.635.214.603	5.562.599.500
1. Hàng tồn kho	141		5.635.214.603	5.562.599.500
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.872.057.588	20.059.649.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	219.182.322	7.772.479
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.969.905.308	10.368.907.435
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.a	9.682.969.958	9.682.969.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.581.335.612.867	2.614.645.471.738
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.161.794.435	243.400.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		281.817.000	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.3.b	4.636.577.435	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.b	243.400.000	243.400.000
II. Tài sản cố định	220		1.533.831.140.236	1.566.837.764.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.532.382.433.649	1.565.296.540.295
- Nguyên giá	222		1.814.229.957.558	1.813.623.248.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.847.523.909)	(248.326.708.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.448.706.587	1.541.224.301
- Nguyên giá	228		1.850.354.180	1.850.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(401.647.593)	(309.129.879)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		238.905.197	238.905.197
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	238.905.197	238.905.197
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	1.033.570.036.244	1.037.324.902.762
1. Đầu tư vào công ty con	251		819.400.000.000	819.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		139.259.788.611	139.259.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(68.243.147.367)	(64.488.280.849)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.533.736.755	10.000.499.183
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.b	1.866.583.080	3.330.455.892
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.667.153.675	6.670.043.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.682.751.321.466	2.752.737.314.429

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.736.322.652.454	1.763.914.140.702
I. Nợ ngắn hạn	310		352.885.046.442	348.676.534.690
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	30.235.433.173	29.761.331.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		129.195.273	178.969.304
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.b	57.639.131	148.420.839
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.056.925.535	11.182.271.836
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	2.469.111.240	838.987.630
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	309.410.888.160	304.920.699.995
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		525.853.930	1.645.853.930
II. Nợ dài hạn	330		1.383.437.606.012	1.415.237.606.012
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	850.000.000.000	850.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	533.437.606.012	565.237.606.012
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	946.428.669.012	988.823.173.727
I. Vốn chủ sở hữu	410		946.428.669.012	988.823.173.727
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	16.623.462.173
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.772.615.239	165.167.119.954
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		165.167.119.954	260.133.316.957
- Lỗ sau thuế kỳ này	421b		(42.394.504.715)	(94.966.197.003)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.682.751.321.466	2.752.737.314.429



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.703.192.994	41.746.577.015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		46.703.192.994	41.746.577.015
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	67.332.504.112	63.024.085.151
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(20.629.311.118)	(21.277.508.136)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.416.105.449	80.969.364.539
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	45.572.027.425	50.992.760.851
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.057.860.902	42.543.405.774
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.693.910.216	4.461.051.874
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.933.037.588	11.306.850.295
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(42.412.180.898)	(7.068.806.617)
11. Thu nhập khác	31		17.676.183	148.717.487
12. Chi phí khác	32		-	21.180.729
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.676.183	127.536.758
14. Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(42.394.504.715)	(6.941.269.859)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(42.394.504.715)	(6.941.269.859)



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ nhuận trước thuế	01	(42.394.504.715)	(6.941.269.859)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.613.333.479	33.001.383.028
Các khoản dự phòng	03	3.817.915.779	9.725.183.421
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(36.135.735.934)	(80.969.364.539)
Chi phí lãi vay	06	41.817.160.907	42.923.055.774
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	718.169.516	(2.261.012.175)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.662.637.973)	149.397.222
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(69.725.487)	66.742.566
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	848.501.115	1.227.859.333
Giảm chi phí trả trước	12	1.252.462.969	1.702.384.082
Tiền lãi vay đã trả	14	(40.652.303.258)	(42.132.266.474)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.120.000.000)	(1.455.208.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.685.533.118)	(42.702.104.183)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.304.261.291)	(6.360.722.943)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.000.000.000)	(9.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.061.373.374	42.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.474.356.774	45.298.323.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.231.468.857	71.337.600.776

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	103.157.600
2. Tiền thu từ đi vay	33	136.700.000.000	106.500.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(164.769.111.840)	(128.830.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.069.111.840)	(22.226.842.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(523.176.101)	6.408.654.193
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.826.577.838	6.097.646.180
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	1.303.401.737	12.506.300.373



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 6 tháng 8 năm 2020 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CIT") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 126 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 129).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (6) công ty con và hai (2) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kía	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (I)	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
5. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro tạm dừng kinh doanh trong vòng 12 tháng kể từ ngày 4 tháng 6 năm 2021 đến ngày 3 tháng 6 năm 2022.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 251.469.337.843 VND, Công ty hoạt động không có lợi nhuận và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị thâm hụt trong nhiều kỳ kế toán liên tục. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có các phương án phù hợp để huy động vốn nhằm đáp ứng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn và nghĩa vụ tài chính, đảm bảo hoạt động của Công ty được diễn ra liên tục. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*Góp vốn liên doanh (tiếp theo)*

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phân tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động...

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	45.563.784	72.199.107
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.257.837.953	1.754.378.731
Cộng	1.303.401.737	1.826.577.838
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	9.850.671.319	6.717.444.339
Các đối tượng khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	10.650.671.319	7.517.444.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Phải thu về cho vay**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	80.389.421.513	71.644.417.355
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	5.120.603.580	4.852.310.630
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	100.000.000	100.000.000
Cộng	85.610.025.093	76.596.727.985
b. Dài hạn		
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia (iii)	4.636.577.435	-

(i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với hạn mức 73,2 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2021.

(ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(iii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong kỳ là 10%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 18 tháng 1 năm 2030.

4. Phải thu khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	898.150.000	40.000.000
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư	-	20.700.373.374
Phải thu tiền lãi trả chậm	-	28.349.495.383
Phải thu ngắn hạn khác	26.000.000	11.000.000
Cộng	924.150.000	49.100.868.757
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	243.400.000	243.400.000
Trong đó, phải thu khác với bên liên quan		
Công ty CII	-	49.049.868.757
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	26.000.000	11.000.000
Cộng	26.000.000	49.060.868.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	96.532.991.903	1.715.677.247.445	1.413.009.091	1.813.623.248.439
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	606.709.119	-	606.709.119
Tại ngày 30/06/2021	96.532.991.903	1.716.283.956.564	1.413.009.091	1.814.229.957.558
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	19.305.207.466	228.630.315.528	391.185.150	248.326.708.144
Khấu hao trong kỳ	2.413.360.812	31.031.054.499	76.400.454	33.520.815.765
Tại ngày 30/06/2021	21.718.568.278	259.661.370.027	467.585.604	281.847.523.909
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	77.227.784.437	1.487.046.931.917	1.021.823.941	1.565.296.540.295
Tại ngày 30/06/2021	74.814.423.625	1.456.622.586.537	945.423.487	1.532.382.433.649

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ VND, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000 VND, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.795.975.020.258 VND, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.342.147.423.599 VND và giai đoạn 2 là 453.827.596.659 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 822.399.996 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 1.795.975.020.258 VND (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021	1.850.354.180
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021	309.129.879
Khấu hao trong kỳ	92.517.714
Tại ngày 30/06/2021	401.647.593
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	1.541.224.301
Tại ngày 30/06/2021	1.448.706.587

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 1.760.000.000 VND (xem thêm tại *Thuyết minh V.17*).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	238.905.197	238.905.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính**

Dài hạn	30/06/2021		01/01/2021		Dự phòng VND	Giá gốc VND	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND						
Đầu tư vào công ty con										
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i)	-	220.000.000.000	-	(i)	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (ii)	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000	(48.643.147.367)	(i)	4.950.000	49.500.000.000	(44.888.280.849)	(i)		(i)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	-	(i)	25.500	2.550.000.000	-	(i)	-	(i)
Cộng	55.272.900	819.400.000.000	(48.643.147.367)		55.272.900	819.400.000.000	(44.888.280.849)			

Vốn điều lệ đã góp vào các Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN đã được các công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại *Thuyết minh V.16*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính** (tiếp theo)

Dài hạn (tiếp theo)	30/06/2021			01/01/2021				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)
Cộng	12.280.000	139.259.788.611	(19.600.000.000)		12.280.000	139.259.788.611	(19.600.000.000)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	(i)	409.114	143.153.395.000	-	(i)

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CILB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.667.153.675	-	6.670.043.291	-
Cộng	6.667.153.675	-	6.670.043.291	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhà cung cấp khác	30.235.433.173	30.235.433.173	29.761.331.156	27.181.294.314
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	17.945.154.771	17.945.154.771	17.600.875.957	17.690.676.615
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	8.109.486.891	8.109.486.891	7.556.736.891	4.886.899.391
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.248.277.836	3.248.277.836	3.248.277.836	3.248.277.836
Các nhà cung cấp khác	932.513.675	932.513.675	1.355.440.472	1.355.440.472
Cộng	30.235.433.173	30.235.433.173	29.761.331.156	27.181.294.314

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	30/06/2021 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
b. Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	124.931.865	244.174.356	339.585.412	29.520.809
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	23.488.974	174.994.218	170.364.870	28.118.322
Thuế nhà thầu	-	110.250.000	110.250.000	-
Cộng	148.420.839	529.418.574	620.200.282	57.639.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	9.678.786.098	10.821.195.284
Các khoản trích trước khác	378.139.437	361.076.552
Cộng	10.056.925.535	11.182.271.836

16. Phải trả khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
--	-------------------	-------------------

a. Ngắn hạn

Phải trả chi phí sử dụng vốn	1.551.665.460	3.698.630
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Kinh phí công đoàn	82.156.780	-
Cộng	2.469.111.240	838.987.630

Trong đó, phải trả khác với bên liên quan

Công ty CII	1.551.665.460	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	-	3.698.630
Cộng	1.551.665.460	3.698.630

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
--	-------------------	-------------------

b. Dài hạn

Vốn hợp tác đầu tư (i)	850.000.000.000	850.000.000.000
------------------------	-----------------	-----------------

Trong đó, phải trả khác với bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000

(i) Chi tiết khoản vốn hợp tác đầu tư bao gồm:

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ VND để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN với số tiền 220 tỷ VND, theo đó Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Phát sinh trong kỳ				Giá trị có khả năng thanh toán VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
	30/06/2021	01/01/2021				
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tặng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tăng Kỳ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	246.242.562.125	246.242.562.125	136.700.000.000	50.957.437.875	160.500.000.000	160.500.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kia	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Khoản vay các bên khác						
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	988.326.035	988.326.035	-	11.673.965	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	62.180.000.000	62.180.000.000			54.180.000.000	54.180.000.000
Trái phiếu đến hạn (xem thuyết minh b)	-	-			84.240.699.995	85.000.000.000
Cộng	309.410.888.160	309.410.888.160	136.700.000.000	55.969.111.840	304.920.699.995	305.680.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	595.617.606.012	595.617.606.012	-	23.800.000.000	619.417.606.012	619.417.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(62.180.000.000)	(62.180.000.000)			(54.180.000.000)	(54.180.000.000)
Trái phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
Chi phí phát hành	-	-	-	759.300.000	(759.300.000)	-
Cộng	-	-	-	109.559.300.000	84.240.700.000	85.000.000.000
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	-	-			(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển trong 12 tháng	-	-			759.300.000	-
Cộng	533.437.606.012	533.437.606.012	-	109.559.300.000	565.237.606.012	565.237.606.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	246.242.562.125	12 tháng	23/05/2022	Lãi suất trong kỳ cố định 11,5%/năm	Thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu và bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (i)	988.326.035	6 tháng	30/06/2021	9,2 %/năm	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi số: 068704060007823 với số tiền 1,1 tỷ đồng thuộc sở hữu của công ty CII.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	432.197.939.474	126 tháng	06/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,1% và 9,0% theo từng khế ước	Tài trợ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi. Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn đầu tư vào dự án Diamond Riverside ký ngày 26 tháng 8 năm 2013 với Công ty CII.

(i) Ngày 1 tháng 7 năm 2021, Công ty đã thanh toán nợ vay đến hạn cho Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng một năm	62.180.000.000	54.180.000.000
Trong năm thứ hai	74.600.000.000	65.020.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	315.417.939.474	299.350.000.000
Sau năm năm	143.419.666.538	200.867.606.012
	595.617.606.012	619.417.606.012
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(62.180.000.000)	(54.180.000.000)
Cộng	533.437.606.012	565.237.606.012

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	645.160.000.000	162.330.434.000	14.050.117.118	265.280.007.067	1.086.820.558.185
Tăng vốn trong kỳ	61.040.000	(518.882.400)	-	-	(457.842.400)
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(6.941.269.859)	(6.941.269.859)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.573.345.055	(2.573.345.055)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.573.345.055)	(2.573.345.055)
Tại ngày 30/06/2020	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	253.192.047.098	1.076.848.100.871
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(88.024.927.144)	(88.024.927.144)
Tại ngày 31/12/2020	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	165.167.119.954	988.823.173.727
Tại ngày 01/01/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	165.167.119.954	988.823.173.727
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(42.394.504.715)	(42.394.504.715)
Tại ngày 30/06/2021	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	122.772.615.239	946.428.669.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104 64.522.104	64.522.104 64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	- -	- -
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104 64.522.104	64.522.104 64.522.104
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2021, Công ty không chia cổ tức và trích lập quỹ năm 2020.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	45.860.858.430	40.511.500.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	842.334.564	1.235.076.795
Cộng	46.703.192.994	41.746.577.015

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	66.692.788.926	61.895.675.270
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	639.715.186	1.128.409.881
Cộng	67.332.504.112	63.024.085.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Cổ tức được chia	30.960.000.000	44.302.280.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.015.747.569	3.018.090.608
Chiết khấu thanh toán	280.369.515	-
Lãi chậm thanh toán	159.988.365	3.957.793.931
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	29.691.200.000
Cộng	36.416.105.449	80.969.364.539

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	30.960.000.000	36.120.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.245.004.158	2.726.862.309
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	268.292.950	238.877.184
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	497.577.435	-
Công ty CII	159.988.365	3.957.793.931
Cộng	36.130.862.908	43.043.533.424

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	41.057.860.902	42.543.405.774
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	3.754.866.518	7.944.934.557
Chi phí phát hành trái phiếu	759.300.005	379.650.000
Chi phí tài chính khác	-	124.770.520
Cộng	45.572.027.425	50.992.760.851

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	12.165.084.707	4.398.931.508
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	84.390.412	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	172.000.000
Cộng	12.249.475.119	4.570.931.508

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.308.985.861	4.104.048.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.418.166	154.418.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.506.189	197.826.458
Các khoản chi phí khác	-	4.758.600
Cộng	4.693.910.216	4.461.051.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.065.693.958	6.363.132.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.324.812	259.532.103
Chi phí dự phòng	63.049.261	1.780.248.864
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	660.000.000	660.000.000
Các khoản chi phí khác	1.803.969.557	2.243.937.263
Cộng	7.933.037.588	11.306.850.295
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		60.000.000
Cộng	-	60.000.000

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(42.394.504.715)	(6.941.269.859)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	27.757.141.703	17.518.322.670
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(30.960.000.000)	(44.302.280.000)
Thu nhập chịu thuế	(45.597.363.012)	(33.725.227.189)
Lỗ tính thuế	(45.597.363.012)	(33.725.227.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa
 Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê
 Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	136.700.000.000	104.500.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	3.373.608.150	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	4.500.000.000	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	14.500.000.000	-
Nhận tiền lại tiền hỗ trợ vốn	10.361.000.000	2.000.000.000
Trả tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Nhận tiền cổ tức	-	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	30.960.000.000	10.320.000.000
Trả lãi hỗ trợ vốn	-	215.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lương	1.860.614.400	2.185.800.000
Thưởng và các khoản thu nhập khác	130.000.000	411.920.700
Cộng	1.990.614.400	2.597.720.700

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021